

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 216/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2024.

V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi
con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Long.

2. Ông Nguyễn Bền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Song – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số C, Ấp B, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N có mặt tại phiên tòa;

Anh Minh vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hoà giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh M cưới nhau năm 2016, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cự cãi, gây gổ và xô xát với nhau. Vợ chồng chị đã ly thân cách đây gần 02 năm. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh M.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Quốc Đ – sinh ngày 18/6/2016. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh M không có tài sản chung và không có nợ chung.

Đối với ý kiến của anh M về chiếc lắc đeo tay của con, khi mua là do chị đổi từ sổ vàng cũ của con và thêm tiền để đổi thành chiếc lắc vàng 18K, chị không nhớ chính xác trọng lượng của chiếc lắc nêu trên. Quá trình chung sống do khó khăn nên đã bán để lo cho con, chị nhớ là bán được hơn 6 triệu đồng.

** Theo các bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Hoàng M trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian, điều kiện kết hôn. Anh và chị N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cách đây khoảng 09 tháng đến 10 tháng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm. Anh và chị N đã ly thân cách đây 09 tháng đến 10 tháng. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

- Về con chung: Có 01 con chung như chị N trình bày, khi ly hôn anh không đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh và chị N không có tài sản chung, tuy nhiên quá trình chung sống anh có mua cho con chiếc lắc vàng 18K, nhưng anh không nhớ trọng lượng, anh không có giấy tờ mua bán đối với chiếc lắc. Khi ly hôn, anh yêu cầu trả lại cho anh chiếc lắc mà anh đã mua cho con.

- Về nợ chung: Anh và chị N không có nợ chung.

*** Tại phiên tòa:** Nguyên đơn chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh M. Về con chung, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng

xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung của chị N. Về tài sản chung và nợ chung, chị N và anh M xác định không có tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với ý kiến của anh M yêu cầu chị N trả lại chiếc lắc mà anh đã mua cho con, nhưng anh M không yêu cầu phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh M và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung giữa chị và anh M khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn anh M vắng mặt không tham dự phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh M.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh M, Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh M tự nguyện cưới nhau năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị N và anh M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh M. Bị đơn anh M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh M.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh M có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Quốc Đ – sinh ngày 18/6/2016. Khi ly hôn chị N và anh M đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chị N và anh M ly thân thì cháu Đ do chị N nuôi dưỡng, chị N hiện nay đang làm việc tại Công ty cổ phần M1 nên chị đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Đ, đồng thời cháu Đ có nguyện vọng được sống với chị N khi chị N và anh M ly hôn. Để tránh thay đổi hoàn cảnh sống ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tâm lý và học tập của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con của chị N.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh M xác định anh chị không

có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Đối với yêu cầu của anh M yêu cầu chị N trả lại chiếc lắc tay mà anh đã mua cho con trước đây, nhưng anh M không làm đơn phản tố và không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu của anh nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm N đối với anh Nguyễn Hoàng M.

Chị Nguyễn Thị Cẩm N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M.

2/ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung của N. Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Quốc Đ – sinh ngày 18/6/2016 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0011365 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị N đã thi hành xong.

4/ Về quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M được quyền kháng cáo bản án này trong hạn trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Long Hưng , huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh